

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo:	QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN (REAL ESTATE MANAGEMENT)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành:	7.85.01.18
Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo:	4 năm
Tổng số tín chỉ yêu cầu:	135 tín chỉ
Tên văn bằng:	Quản lý bất động sản
Nơi cấp bằng:	Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*(Ban hành tại quyết định số 4151/QĐ-HVN ngày 14 tháng 8 năm 2024
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý bất động sản trình độ đại học có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghề nghiệp tốt; có phẩm chất chính trị vững vàng; có lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo; có tinh thần khởi nghiệp nhằm đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản sẽ:

MT1: Có kiến thức chuyên môn sâu, rộng và tiếp cận được những vấn đề về lý thuyết, phương pháp luận trong lĩnh vực bất động sản;

MT2: Có kỹ năng nghề nghiệp tốt, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại, các nghiệp vụ hành chính liên quan đến lĩnh vực bất động sản.

MT3: Có phẩm chất chính trị vững vàng; có lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo; có tinh thần khởi nghiệp nhằm đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.

1.2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.	<p>1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực bất động sản.</p> <p>1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.</p> <p>1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.</p>	Mức 3: Áp dụng
Kiến thức chung cho nhóm ngành		
CĐR2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý bất động sản	<p>2.1. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản.</p> <p>2.2. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đăng ký thống kê đất đai, quy hoạch, tài chính đất đai và bất động sản.</p> <p>2.3. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước.</p>	Mức 3: Áp dụng
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	<p>3.1. Phân tích các hoạt động quản lý bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>3.2. Phân tích các hoạt động kinh doanh bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.</p>	Mức 4: Phân tích
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	<p>4.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.</p> <p>4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.</p>	Mức độ 6: Sáng tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
Kĩ năng chung		
CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.	<p>5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.</p> <p>5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.</p> <p>5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.</p>	Mức 3: Làm chính xác
Kĩ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.	<p>6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản.</p> <p>6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thông kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.</p>	Mức 3: Làm chính xác
Tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực BDS	<p>7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.</p> <p>7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.</p>	Mức 3: Nội tâm hoá
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	<p>8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.</p> <p>8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.</p>	Mức 3: Nội tâm hoá

* Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước:

+ Bộ Tiêu chuẩn AUN (ASEAN University Network);
+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản, trường Đại học Quản lý Bất động sản UCEM, Vương quốc Anh;

Website: <https://www.ucem.ac.uk/bsc-real-estate-management/>

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Định giá và phát triển Bất động sản, Neapolis University Pafos, Hi Lạp;

Website: <https://www.nup.ac.cy/bsc-in-real-estate-valuation-and-development/>

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (định giá), Trường Đại học University of the West Indies, Trinidad and Tobago.

Website: <https://sta.uwi.edu/eng/geomatics/land-management>

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

• Lĩnh vực

Quản lý Bất động sản và các lĩnh vực liên quan

• Vị trí

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản có thể đảm nhận các vị trí như lãnh đạo, giảng viên, cán bộ tư vấn và chuyên viên...

• Nơi làm việc

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản có thể đảm nhận các vị trí như cán bộ tư vấn, chuyên viên, giảng viên tại các đơn vị:

+ Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

+ Cục quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản, Cục phát triển đô thị, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn (Bộ Xây dựng).

+ Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch kiến trúc; Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố

+ Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Quản lý xây dựng, Ban Quản lý dự án, Thanh tra xây dựng các quận, huyện, thị xã

+ Công chức Địa chính - Xây dựng các xã, phường, thị trấn

+ Các ngân hàng, tổ chức tín dụng

+ Trung tâm định giá đất, thẩm định giá, môi giới nhà đất, sàn giao dịch bất động sản

+ Trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, công ty

Tài nguyên và Môi trường

+ Các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh bất động sản

+ Giảng viên ngành Quản lý bất động sản tại trường đại học

+ Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực đất đai và bất động sản.

• Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp Đại học ngành Quản lý đất đai có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

+ Thạc sĩ Quản lý đất đai

+ Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường

- + Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế
- + Thạc sĩ Quy hoạch vùng và đô thị
- + Tiến sĩ Quản lý đất đai
- + Tiến sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường
- + Tiến sĩ Quản lý Kinh tế.

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT.
- Điều kiện dự tuyển: Có bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, có thể tuyển thẳng, xét học bạ hoặc theo điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia
- Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi): Theo Đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

• Triết lý giáo dục

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (trường Đại học Nông nghiệp I trước đây) đã tuyên bố Triết lý giáo dục: RÈN LUYỆN HUN ĐÚC NHÂN TÀI NÔNG NGHIỆP TƯƠNG LAI

Học Viện Nông nghiệp Việt Nam tin rằng thông qua quá trình RÈN tư duy sáng tạo, LUYỆN năng lực thành thạo, HUN tâm hồn thanh cao, ĐÚC ý chí lớn lao sẽ giúp sinh viên khi ra trường trở thành các NHÂN TÀI NÔNG NGHIỆP để phát triển bền vững nền nông nghiệp của Việt Nam và đưa nông nghiệp Việt Nam hội nhập quốc tế.

Nhất quán với Tầm nhìn và Sứ mệnh của Học viện và Khoa, Khoa theo đuổi triết lý giáo dục “Kiến tạo - Constructivism”. Triết lý này được chương trình triển khai theo 2 nguyên tắc dạy và học:

- Việc học bắt đầu khi người học có đam mê hướng đến chủ đề học tập.
- Người học tự xây dựng kiến thức và kinh nghiệm mới dựa trên kiến thức và kinh nghiệm có sẵn.

• Chiến lược dạy và học

Chiến lược dạy và học của khoa Tài nguyên và Môi trường hướng đến đáp ứng mục tiêu đào tạo lấy phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng tiếp cận năng lực.

Để trở thành giảng viên của khoa, các ứng viên phải vượt qua các vòng sát hạch bao gồm cả vòng thi về phương pháp dạy học đại học. Tất cả giảng viên phải được tập huấn rất bài bản về phương pháp giảng dạy, phương thức chuẩn bị đề cương, giáo án, bài giảng; được cung cấp tầm nhìn và sứ mạng của Học viện và khoa, chuẩn đầu ra của chương trình, cũng như mục đích và nội dung chi tiết môn học. Bằng việc chuẩn bị các tác vụ đào tạo trong quá trình giảng dạy, việc đánh giá quá trình giảng dạy và thảo luận phương pháp giảng dạy cho phép các giảng viên lập chiến lược giảng dạy bao gồm mục tiêu giảng dạy, khối

lượng kiến thức cơ bản đến các kiến thức cập nhật, các phương pháp giảng dạy và các kỹ thuật cũng như cách sử dụng thiết bị dạy học, các kỹ thuật kiểm soát giờ giảng, các phương pháp đánh giá.

Để giúp sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức, Hội đồng khoa luôn yêu cầu các giảng viên xây dựng chiến lược dạy và học dựa trên các cấp độ tư duy của thang Bloom. Tất cả các khối kiến thức/môn học được giảng dạy bởi Khoa Tài nguyên và Môi trường được thiết kế bao gồm lý thuyết, thực hành và đồ án. Đa phần các môn học lý thuyết nằm ở cấp độ từ 1 - 3 trên thang bloom, các môn thực hành nằm ở cấp độ 3 và khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên phải đạt được cấp độ 3 trên thang Bloom. Chiến lược dạy và học được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của từng môn học, trong giáo án, bài giảng của giảng viên và được đánh giá, điều chỉnh hàng năm.

Chiến lược dạy và học bao gồm:

- 1) Học lý thuyết kết hợp với thực hành
- 2) Thực hành môn học
- 3) Đồ án môn học
- 4) Khuyến khích tự học và làm việc nhóm

Vai trò của giảng viên là người cố vấn giúp sinh viên tiếp nhận và xây dựng kiến thức qua bài giảng và các hoạt động học tập trong và ngoài lớp. Khoa khuyến khích giảng viên phát triển các nội dung giảng dạy môn học dưới dạng giao các chuyên đề, tiểu luận, dự án tổ hợp gắn với nội dung giảng dạy. Khoa khuyến khích sinh viên NCKH, tổ chức các câu lạc bộ hướng nghiệp hay thường xuyên tổ chức các cuộc thi nhằm tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng tối đa các kiến thức được học. Việc bám sát thang tư duy của bloom trong quá trình xây dựng chiến lược dạy và học cũng như phương pháp đánh giá cho phép sinh viên hiểu được và vận dụng được khối kiến thức đã được đào tạo. Chiến lược này bao gồm các chiến lược dạy học tích cực được áp dụng cho các môn học lý thuyết, các môn học dựa trên thực hành, các môn dựa trên dự án và các môn học dựa trên thực tế.

5. Phương pháp đánh giá

- Các môn học cơ bản và cơ sở được đánh giá bằng cách trả lời các câu hỏi ngắn, thuyết trình, vấn đáp và thi viết;
- Các môn học thực hành và tiểu luận chuyên đề được đánh giá qua kỹ năng thực hành, chuẩn bị bài thuyết trình theo chủ đề;
- Đối với các môn học chuyên ngành, đánh giá sinh viên thông qua việc thực hiện các dự án bằng các rubric.
- Đối với khóa luận tốt nghiệp, sinh viên báo cáo kết quả thực hiện trước Hội đồng và được đánh giá tổng hợp các khía cạnh: nội dung báo cáo, hình thức trình bày, phong cách, thái độ và các cách trả lời các câu hỏi ...

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 55 tín chỉ đại cương, 60 tín chỉ cơ sở và cốt lõi ngành (47 tín chỉ bắt buộc, 13 tín chỉ tự chọn), 10 tín chỉ thực tập nghề nghiệp và 10 tín chỉ khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên hoàn thành các chứng chỉ với 04 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 06 tín chỉ kỹ năng mềm và đạt Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ. Các học phần được sắp xếp trong 08 học kỳ, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

(Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021:

<https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf>)

7. Cấu trúc và nội dung chương trình:

ĐẠI CƯƠNG	CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH	
Pháp luật đại cương (4) Triết học Mác - Lê Nin (3) Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (4) Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (2) Tiếng Anh 1 (2) Chủ nghĩa xã hội khoa học (2) Tiếng Anh 2 (3) Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam (2) Tư tưởng Hồ Chí Minh (2) Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (4) Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (3) Thương mại và hội nhập quốc tế (3) Nông nghiệp hiện đại (4) Sinh thái và môi trường (4) Tổ chức và Quản lý kinh tế (3) Bản đồ học (3) Trắc địa (4) Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT (3)	Hệ thống thông tin địa lý (3) Quy hoạch sử dụng đất (3) Quản lý nhà nước về đất đai (4) Đồ án quy hoạch (3) Chính sách quản lý bất động sản (3) Định giá bất động sản (3) Đàm phán trong kinh doanh BĐS (3) Phong thủy trong kinh doanh bất động sản (3) Thuế bất động sản (3) Bản đồ địa chính (4) Đăng ký thống kê đất đai (4) Hệ thống thông tin đất đai và BĐS (5) Quản trị Bất động sản (3) Thị trường Bất động sản (3) Tin học ứng dụng vẽ bản đồ (3) Quản lý môi trường (3) Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường (4)	Bản đồ địa hình (3) Viễn thám (3) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội (3) Tư vấn đầu tư bất động sản (3) Giao đất thu hồi đất (3) Quản lý sàn giao dịch bất động sản (3) Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT (3) Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản (10) Khóa luận tốt nghiệp ngành QL BĐS (10)
CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN		
Giáo dục thể chất (chọn 2 trong các môn sau): - Giáo dục thể chất đại cương (1TC) - Điền kinh (1TC) - Thể dục Aerobic (1TC) - Bóng đá (1TC) - Bóng chuyền (1TC) - Bóng rổ (1TC) - Cầu lông (1TC) - Cờ vua (1TC) - Khiêu vũ thể thao (1TC) - Bơi (1TC) - Golf (1TC) - Yoga (1TC)	Giáo dục quốc phòng (bắt buộc): - Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng (3TC) - Công tác quốc phòng và an ninh (2TC) - Quân sự chung (2TC) - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4TC)	Kỹ năng mềm (chọn 3 trong số các môn sau): - Kỹ năng giao tiếp (2TC) - Kỹ năng lãnh đạo (2TC) - Kỹ năng quản lý bản thân (2TC) - Kỹ năng kim kiểm việc làm (2TC) - Kỹ năng làm việc nhóm (2TC) - Kỹ năng hội nhập (2TC) - Kỹ năng khởi nghiệp (2TC) - Kỹ năng bán hàng (2TC) - Kỹ năng thuyết trình (2TC) - Kỹ năng làm việc với các bên liên quan (2TC)

Nội dung chương trình

TT	Năm	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã HP tiên quyết (chữ đậm)/HP song hành
I	KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG				55						
I.1	<i>Khoa học chính trị, pháp luật, tin học và ngoại ngữ</i>				24						
1	1	XH91001	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	4	4	0	BB	0		
2	1	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	Marxist - Leninist Philosophy	3	3	0	BB			
3	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyên đổi số	Information Technology and digital transformation	4	4	0	BB			
4	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Marxist - Leninist Political Economy	2	2	0	BB			
5	2	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2	2	0	BB			
6	2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	BB			
7	2	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3	3	0	BB			
8	3	XH91075	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	History of Communist Party of Vietnam	2	2	0	BB			
9	3	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	BB			
I.2	<i>Kiến thức chung và bổ trợ (chung trong Học viện)</i>				21						

TT	Năm	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã HP tiên quyết (chữ đậm)/HP song hành
10	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Entrepreneurship and Business Culture	4	4	0	BB	0		
11	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and Public Speaking	3	3	0	BB			
12	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	International Trade and Intergration	3	3	0	BB			
13	1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4	4	0	BB			
14	1	TM91012	Sinh thái và môi trường	Ecology and Environment	4	4	0	BB			
15	2	KT91043	Tổ chức và Quản lý kinh tế	Economic organization and management	3	3	0	BB			
1.3	Kiến thức cơ bản ngành (chung trong khối ngành)				10						
16	1	TM92069	Bản đồ học	Cartography	3	2	1	BB	0		
17	2	TM92068	Trắc địa	Geodesy	4	3	1	BB			
18	4	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	Establishing natural resources and environmental research project	3	2	1	BB			
II	KIẾN THỨC NGÀNH				80						

TT	Năm	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã HP tiên quyết (chữ đậm)/HP song hành
II.1	Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành				47						
19	1	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	Geographic Information System	3	2	1	BB			
20	2	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	Land Use Planning	3	3	0	BB			
21	2	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	Land Administration	4	3	1	BB			
22	2	TM94130	Đồ án quy hoạch	Planning Project	3	0	3	BB			
23	2	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	Real estate management policy	3	2	1	BB			
24	2	TM94110	Định giá bất động sản	Real estate valuation	3	2	1	BB			
25	2	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Negotiations in the real estate business	3	2	1	BB			
26	3	TM94135	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Feng-shui in Real estate business	3	2	1	BB			
27	3	TM94117	Thuế bất động sản	Real Estate Tax	3	2	1	BB			
28	3	TM94070	Bản đồ địa chính	Cadastral map	4	2	2	BB			
29	3	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	Land registration and statistic	4	2	2	BB			

TT	Năm	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã HP tiên quyết (chữ đậm)/HP song hành
30	3	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BĐS	Land and real estate information system	5	3	2	BB	13		
31	4	TM94114	Quản trị Bất động sản	Real estate management	3	2	1	BB			
32	4	TM94116	Thị trường Bất động sản	Real estate market	3	2	1	BB			
33	3	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Applied Informatics in Mapping	3	1	2	TC			
34	3	TM94055	Quản lý môi trường	Environmental management	3	3	0	TC			
35	3	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	Urban, rural and landscape environmental planning	4	3	1	TC			
36	3	TM94071	Bản đồ địa hình	Topographical Map	3	2	1	TC			
37	3	TM94164	Viễn thám	Remote sensing	3	2	1	TC			
38	3	TM94132	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Master Planning	3	2	1	TC			
39	3	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	Real estate investment consulting	3	2	1	TC			
40	3	TM94112	Giao đất thu hồi đất	Land allocation and reclaim	3	2	1	TC			
41	3	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất	Real Estate Trade Center	3	2	1	TC			

TT	Năm	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã HP tiên quyết (chữ đậm)/HP song hành
			động sản	Management							
42	3	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Application of unmanned aerial vehicles (UAV) in environmental resource management	3	2	1	TC			
II.2	Thực tập nghề nghiệp/ thực tập giáo trình				10						
43	4	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Professional internship in real estate management	10	0	10	BB			
II.3	Khoá luận tốt nghiệp				10						
44	4	TM94493	Khóa luận tốt nghiệp ngành QL BDS	Thesis of Real Estate Management	10	0	10	BB			

Ghi chú: BB = Bắt buộc; TC = Tự chọn

*** Học phần kỹ năng mềm: 6TC – Chọn 3 trong các học phần**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: 15TC**

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết	BB/TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1		BB
	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 HP: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Goft, Yoga)	3		BB
Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng	3		BB
	QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2		BB
	QS01013	Quân sự chung	2		BB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4		BB
Tổng số			15		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần tin học:**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
ITC03001	CNTT ứng dụng trong nông nghiệp	2	TC

ITC03002	CNTT ứng dụng trong kinh tế-xã hội	2	TC
ITC03003	CNTT ứng dụng trong quản lý tài nguyên và MT	2	TC
ITC03004	Thiết kế đồ họa máy tính	2	TC
ITC03005	Phát triển ứng dụng web cơ bản	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

8. Kế hoạch học tập (dự kiến)

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã HP tiên quyết
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4	4	0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4	4	0	BB	
1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3	0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3	0	BB	
1	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	3	2	1	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1	1	0	-	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0	1	PCBB	
2	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	4	0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4	0	BB	
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	4	4	0	BB	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3	3	0	BB	
2	TM92069	Bản đồ học	3	2	1	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2	2	0	PCBB	
2	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Golf, Yoga)	1	0	1	PCBB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã HP tiên quyết
2	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm (Chọn 1 trong 8 học phần: KN lãnh đạo; KN Quản lý bản thân; KN tìm kiếm việc làm; KN làm việc nhóm; KN hội nhập; KN bán hàng; KN thuyết trình; KN làm việc với các bên liên quan)	1	0	1	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			35	33	2		
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			2	0	2		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			4	4	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			1	0	1		

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã HP tiên quyết
3	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	3	3	0	BB	
3	TM92068	Trắc địa	4	3	1	BB	
3	KT91043	Tổ chức và Quản lý kinh tế	3	3	0	BB	
3	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	4	3	1	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	2	0	BB	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2	2	0	BB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của đảng	3	3	0	PCBB	
3	QS01012	Công tác Quốc phòng - an ninh	2	2	0	PCBB	
4	TM94130	Đồ án quy hoạch	3	0	3	BB	
4	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	3	2	1	BB	
4	TM94110	Định giá bất động sản	3	2	1	BB	
4	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	3	2	1	BB	
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3	3	0	BB	
4	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB	
4	QS01013	Quân sự chung	2	1	1	PCBB	
4	QS01014	KT chiến đấu bộ binh & CT	4	0	4	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			35	27	8		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 0 TC)			0	0	0		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã HP tiên quyết
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			11	6	5		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0	0	0		

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã HP tiên quyết
5	XH91075	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB	
5	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB	
5	TM94135	Phong thuỷ trong kinh doanh bất động sản	3	2	1	BB	
5	TM94117	Thuế bất động sản	3	2	1	BB	
5	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	3	1	2	TC	
5	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	4	3	1	TC	
5	TM94055	Quản lý môi trường	3	3	0	TC	
5	TM94071	Bản đồ địa hình	3	2	1	TC	
5	TM94164	Viễn thám	3	2	1	TC	
5	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Gofit, Yoga)	1	0	1	PCBB	
5	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm (Chọn 1 trong 8 học phần: KN lãnh đạo; KN Quản lý bản thân; KN tìm kiếm việc làm; KN làm việc nhóm; KN hội nhập; KN bán hàng; KN thuyết trình; KN làm việc với các bên liên quan)	1	0	1	PCBB	
6	TM94070	Bản đồ địa chính	4	2	2	BB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã HP tiên quyết
6	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	4	2	2	BB	
6	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BĐS	5	3	2	BB	
6	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	3	2	1	TC	
6	TM94112	Giao đất thu hồi đất	3	2	1	TC	
6	TM94132	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	3	2	1	TC	
6	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	3	2	1	TC	
6	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	3	2	1	TC	
6	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Golf, Yoga)	1	0	1	PCBB	
6	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm (Chọn 1 trong 8 học phần: KN lãnh đạo; KN Quản lý bản thân; KN tìm kiếm việc làm; KN làm việc nhóm; KN hội nhập; KN bán hàng; KN thuyết trình; KN làm việc với các bên liên quan)	1	0	1	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			23	15	8		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 13 TC)			31	20	11		
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			2	0	2		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			2	0	2		

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên
--------	-------------	--------------	---------	-----------	-----------	-------	------------------

			TC				quyết
7	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	3	2	1	BB	
7	TM94114	Quản trị Bất động sản	3	2	1	BB	
7	TM94116	Thị trường Bất động sản	3	2	1	BB	
7	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	10	0	10	BB	
8	TM94493	Khóa luận tốt nghiệp ngành QL BĐS	10	0	10	BB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			29	6	23		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 0TC)			0	0	0		
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất, quốc phòng			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0	0	0		

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

DN91027. Tâm lí học và giao tiếp cộng đồng(Psychology and Public Speaking).(3TC:3-0-9; 135). *Nội dung:* Học phần này gồm kiến thức: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, sử dụng câu hỏi TNKQ trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy kết hợp với phương tiện truyền thông đa phương tiện (Zoom, MS Teams...). *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 40%, thi 50%.

DN91034. Tiếng Anh 1 (English 1).(2TC:2-0-6; 90). *Nội dung:* This course consists of 4 units at pre-intermediate level about the four topics including The past (Unit 1), Out and about (Unit 2), Work (Unit 3), Travellers (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities. *Tên chương:* Unit 1: The past; Unit 2: Out and about; Unit 3: Work; Unit 4: Travellers. *Phương pháp giảng dạy:* Lecturing; Group-based; MCQ; Role play; Discussion; Multi-media Online. *Phương pháp đánh giá:* Attendance: 10%; Midterm test: 30%; Final examination: 60%

DN91035. Tiếng anh 2 (English 2).(3TC:3-0-9; 135). *Nội dung:* This course consists of 4 units at level B1- about the topics including People (Unit 1), Tale Tellers (Unit 2), Questions (Unit 3), Winners (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different sections: Grammar/Function; Vocabulary; Pronunciation; Speaking; Reading; Listening/video; Writing. *Tên chương:* Unit 1: People; Unit 2: Tale tellers; Unit 3: Questions; Unit 4: Winners. *Phương pháp giảng dạy:* Lecturing; Group-based; Role play; Discussion; Online. *Phương pháp đánh giá:* Attendance: 20%; Midterm test: 30%; Final examination: 50%

KE91028. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture).(4TC:4-0-12; 180). *Nội dung:* Học phần này bao gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, dạy học dựa trên tình huống, thảo luận, bài tập. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 40%, thi 50%

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (International Trade and Intergration).(3TC:3-0-9; 135). *Nội dung:* Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống Thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính trong thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Bài tập nhóm: 30%; Thi cuối kỳ: 60%.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management).(3TC:3-0-9; 135). *Nội dung:* Học phần này gồm những nội dung chính: Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong sản xuất kinh doanh; Tổ chức nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh; Kế hoạch sản xuất, kinh doanh; Điều hành, quản lý các nguồn lực và quá trình sản xuất, kinh doanh; Marketing sản phẩm và dịch vụ; Giám sát, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, câu hỏi vấn đáp, thảo luận nhóm, bài tập, giảng dạy trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi 60%

NH91046. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture).(4TC:4-0-12; 180). *Nội dung:* Học phần gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Các yếu tố tác động đến nông nghiệp hiện đại; (3) Máy và thiết bị trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình trồng trọt trong nông nghiệp hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi trong nông nghiệp hiện đại; (6) Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, thảo luận, kết hợp với phương tiện đa truyền thông. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài luận tổng quan 30%, thi 60%

TH91084. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Information Technology and digital transformation).(4TC:4-0-12; 180). *Nội dung:* Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, thảo luận, phim tư liệu, kết hợp với phương tiện đa truyền thông. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập 30%, thi 60%

TM91012. Sinh thái và môi trường (Ecology and Environment).(4TC:4-0-12; 180). *Nội dung:* Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, câu hỏi vấn đáp, tiểu luận nhóm, giảng dạy trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, tiểu luận nhóm 30%, thi 60%

TM92068. Trắc địa (Geodesy).(4TC:3-1-12; 180). Nội dung: Những kiến thức chung về trắc địa: Các đơn vị dùng trong trắc địa; Các mặt đặc trưng cho hình dạng Trái đất; Khái niệm về độ cao, chênh cao, bình đồ, bản đồ; Các hệ thống toạ độ; Bài toán xác định toạ độ vuông góc phẳng. Các địa lượng đo cơ bản và thiết bị đo: Đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao. Các thiết bị sử dụng để đo góc, đo khoảng cách, đo cao. Đo vẽ bản đồ: Khái quát về đo vẽ bản đồ; Lưới khống chế đo vẽ; Đo vẽ bản đồ bằng phương pháp toàn đạc. Bản đồ thành lập bằng công nghệ số. Lý thuyết sai số: Khái niệm sai số. Sai số của hàm các đại lượng đo. Các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác các kết quả đo trực tiếp. Xử lý các kết quả đo cùng độ chính xác và không cùng độ chính xác của cùng một đại lượng. Nguyên tắc ảnh hưởng bằng nhau. Lưới khống chế trắc địa: Khái niệm lưới khống chế trắc địa. Lưới tam giác giải tích. Bình sai điều kiện lưới tam giác giải tích. **Tên chương:** Chương 1. Những kiến thức chung về trắc địa; Chương 2. Các đại lượng đo cơ bản và thiết bị đo; Chương 3. Lý thuyết sai số đo; Chương 4. Đo vẽ bản đồ; Chương 5. Lưới khống chế trắc địa. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng và thực hành. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 15%; Thực hành: 15%; Thi cuối kỳ: 60%

TM92069. Bản đồ học (Cartography).(3TC:2-1-9; 135). Nội dung: Khái niệm cơ bản về bản đồ học; Cơ sở toán học về phép chiếu bản đồ; Nội dung và nguyên tắc trình bày bản đồ; Sơ đồ tổ chức thành lập bản đồ; Thiết kế ký hiệu ngôn ngữ trên bản đồ; Biên tập nội dung bản đồ; Sử dụng bản đồ và đánh giá chất lượng bản đồ; Ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ hiện nay. **Tên chương:** Chương 1: khái niệm cơ bản về bản đồ học; Chương 2: cơ sở toán học của bản đồ; Chương 3: tổ chức thành lập và tổng quát hóa bản đồ; Chương 4: ngôn ngữ bản đồ; chương 5: thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ; Chương 6: sử dụng bản đồ và đánh giá chất lượng bản đồ, ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Giảng dạy thực hành, xử lý số liệu, biên tập và thành lập bản đồ; Giảng dạy trực tuyến qua phần mềm Microsoft Team. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thực hành: 20%; Thi giữa kỳ: 10%; Thi cuối kỳ: 60%

TM92145. Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT (Establishing natural resources and environmental research project).(3TC:2-1-9; 135). Nội dung: Nghiên cứu khoa học và dự án nghiên cứu, xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng dự án nghiên cứu trong tài nguyên môi trường, điều tra khảo sát phục vụ xây dựng dự án nghiên cứu trong tài nguyên môi trường, trình tự thực hiện dự án nghiên cứu trong tài nguyên môi trường. **Tên chương:** Chương 1: Giới thiệu chung về nghiên cứu khoa học và dự án nghiên cứu; Chương 2: Xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học; Chương 3: Xây dựng dự án nghiên cứu trong Tài nguyên môi trường; Chương 4: Điều tra khảo sát phục vụ xây dựng dự án nghiên cứu trong Tài nguyên môi trường; Chương 5: Trình tự thực hiện dự án nghiên cứu trong Tài nguyên môi trường; **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng (có thể sử dụng E-learning); Dạy học qua thực hành xây dựng dự án. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

XH91001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws).(4TC:4-0-12; 180). Nội dung: Học phần được chia thành hai nội dung chính: Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản, bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Kinh tế, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm: nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình của giảng viên, câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, seminar, thuyết trình. **Phương pháp đánh giá:** Tham gia: 10%, seminar 15%, kiểm tra trắc nghiệm 15%, thi trắc nghiệm 60%

XH91047. Triết học Mac – Lenin (Marxist - Leninist Philosophy). (3TC:3-0-9; 135). *Nội dung:* Học phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết trình của giảng viên, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. *Phương pháp đánh giá:* 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist - Leninist Political Economy). (2TC:2-0-6; 90). *Nội dung:* Học phần cung cấp các quy luật, nguyên lý kinh tế và những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình xây dựng Chủ nghĩa Xã hội của Chủ nghĩa Mác – Lênin. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism). (2TC:2-0-6; 90). *Nội dung:* Học phần cung cấp các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

XH91075. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (History of Communist Party of Vietnam).(2TC:2-0-6; 90). *Nội dung:* Học phần khái quát về lịch sử của Đảng cộng sản Việt Nam. Tên chương: Sự ra đời của ĐCSVN; Đường lối đấu tranh giành chính quyền; Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

XH91076. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC:2-0-6; 90). *Nội dung:* Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết trình của giảng viên, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. *Phương pháp đánh giá:* Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

9.2. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành

TM93107. Quản lý nhà nước về đất đai (Land Administration).(4TC:3-1-12; 180). *Nội dung:* Cơ sở của quản lý nhà nước về đất đai; Cơ quan quản lý đất đai Việt Nam; Nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Người sử dụng đất; Quản lý sử dụng các loại đất. Tên chương: Chương 1: Cơ sở của quản lý nhà nước về đất đai; Chương 2: Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Chương 4: Người sử dụng đất; Chương 5: Quản lý sử dụng các loại đất. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Tổ chức thảo luận nhóm/ thảo luận trực tuyến; Thực hành trong phòng và ngoài trời. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Thuyết trình/ thảo luận: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM93160. Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System).(3TC:2-1-9; 135). *Nội dung:* Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); Cấu trúc dữ liệu trong GIS; Mô hình số hóa độ cao (DEM): Phương pháp biểu thị DEM, phương pháp xây dựng DEM; Phân tích dữ liệu trong GIS: chức năng tạo vùng đệm, chức năng chồng xếp bản đồ, chức năng nội suy không gian, chức năng tìm kiếm, chức năng phân tích mạng lưới. Tên chương: Chương 1: Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý; Chương 2. Cấu trúc dữ liệu trong GIS; Chương 3: Mô hình số độ cao; Chương 4: Phân tích dữ liệu trong GIS. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Thực hành: 30%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94070. Bản đồ địa chính (Cadastral map).(4TC:2-2-12; 180). *Nội dung:* Khái quát về địa chính và bản đồ địa chính; Cơ sở toán học của bản đồ địa chính; Quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; Nội dung và nguyên tắc trình bày bản đồ địa chính; Biên tập và thành lập bản đồ địa chính; Khai thác và sử dụng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai (giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). *Tên chương:* Chương 1: khái quát về địa chính và bản đồ địa chính; Chương 2: cơ sở toán học của bản đồ địa chính; Chương 3: quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; Chương 4: nội dung bản đồ địa chính và trình bày bản đồ địa chính; Chương 5: sử dụng và khai thác bản đồ địa chính; Chương 6: bản đồ địa chính dạng số. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Hướng dẫn, thực hành tại thực địa và xử lý số liệu trên máy tính; Giảng dạy trực tuyến qua phần mềm Microsoft Team. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94071. Bản đồ địa hình (Topographical Map).(3TC:2-1-9; 135). *Nội dung:* Đại cương chung về bản đồ địa hình; Nội dung của bản đồ địa hình; Tiếp biên, phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa hình; Xử lý số liệu chênh cao và đường đồng mức trên bản đồ địa hình; Tổng quát hóa bản đồ địa hình; Công tác hiện chỉnh bản đồ địa hình; Sử dụng bản đồ địa hình trong thực tiễn; Một số phần mềm ứng dụng trong thành lập bản đồ địa hình hiện nay. *Tên chương:* Chương 1: những khái niệm cơ bản về bản đồ địa hình; Chương 2: cơ sở toán học của bản đồ địa hình; Chương 3: sử dụng bản đồ địa hình; Chương 4: tổng quát hoá bản đồ địa hình; Chương 5. công tác biên tập bản đồ địa hình; Chương 6: công nghệ số trong thành lập bản đồ địa hình. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thực hành, xử lý số liệu, thành lập bản đồ. Giảng dạy trực tuyến qua phần mềm Microsoft Team. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94072. Hệ thống định vị toàn cầu (Global positioning system).(3TC:1.5-1.5-9; 135). *Nội dung:* Khái niệm cơ bản và lịch sử phát triển của trắc địa vệ tinh. Bài toán trắc địa vệ tinh. Phương pháp quan sát vệ tinh nhân tạo. Chuyển động của vệ tinh nhân tạo. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống định vị GPS. Cấu trúc của hệ thống GPS. Tín hiệu vệ tinh GPS. Lịch vệ tinh. Các đại lượng đo, nguyên lý và phương pháp định vị GPS. Tổ chức đo, xử lý số liệu GPS. Một số ứng dụng của hệ thống định vị toàn cầu. *Tên chương:* Chương 1: Kiến thức cơ bản về trắc địa vệ tinh; Chương 2: Hệ thống định vị toàn cầu của Mỹ; Chương 3: Các hệ thống định vị vệ tinh khác; Chương 4. Tổ chức đo và xử lý số liệu đo GPS; Chương 5. Các ứng dụng của hệ thống định vị toàn cầu GPS. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (E-learning); Hướng dẫn thực hành trên máy thu GPS ngoài trời và xử lý số liệu đo trên máy tính (có thể dạy trực tuyến). *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94073. Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT (Application of unmanned aerial vehicles (uav) in environmental resource management).(3TC:2-1-9; 135). *Nội dung:* Kiến thức cơ bản về máy chụp ảnh số phổ thông, các yêu cầu kỹ thuật đối với máy chụp ảnh trong công nghệ UAV; Giới thiệu UAV và các thiết bị hỗ trợ dẫn đường và đạo hàng; lập thiết kế bay chụp UAV. Xử lý số liệu ảnh chụp UAV: xây dựng khối ảnh, xây dựng mô hình số DSM, DEM. Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng ảnh UAV phục vụ quản lý TNMT. *Tên chương:* Chương 1: Tổng quan về thiết bị bay không người lái; Chương 2: Thiết kế bay chụp bằng UAV; Chương 3: Công tác xử lý số liệu ảnh chụp UAV; Chương 4 Ứng dụng ảnh UAV trong quản lý tài nguyên môi trường. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thông qua thực hành; Giảng dạy trực tuyến bằng phần mềm Microsoft Teams. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 15%; Thực hành: 15%. Thi cuối kỳ: 60%

TM94074. Trắc địa ảnh (Photogrammetry).(4TC:2-2-12; 180). *Nội dung:* Khái niệm

phương pháp đo ảnh: Bản chất và nhiệm vụ của phương pháp đo ảnh. Đặc điểm và phạm vi ứng dụng. Cơ sở toán học của phương pháp đo ảnh: Khái niệm ảnh đo, những yếu tố hình học của ảnh đo, nguyên tố định hướng của ảnh. Phương pháp đo ảnh đơn: Biên dạng hình học trên ảnh đơn, sự xê dịch vị trí điểm ảnh do ảnh nghiêng, do địa hình. Nguyên lý nhìn và đo lập thể. Đoán đọc điều vẽ ảnh. **Tên chương:** Chương 1. Khái niệm về phương pháp đo ảnh; Chương 2. Cơ sở toán học của phương pháp đo ảnh; Chương 3 Những tính chất hình học cơ bản trong đo ảnh hàng không; Chương 4. Nguyên lý nhìn và đo lập thể; Chương 5. Đoán đọc điều vẽ ảnh. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thông qua thực hành; Giảng dạy trực tuyến bằng phần mềm Microsoft Teams. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Kiểm tra giữa kỳ: 15%; Thực hành: 15%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94093. Quản lý tài nguyên đất và nước (Soil and water resources management).(5TC:4-1-15; 225). **Nội dung:** Học phần này gồm các khái niệm cơ bản; quá trình hình thành và một số tính chất cơ bản của đất; tài nguyên đất Việt Nam; thoái hoá đất và các giải pháp bảo vệ, phục hồi đất; quản lý tài nguyên đất; đặc điểm về tài nguyên nước và vấn đề khai thác, sử dụng và phát triển nguồn nước; vấn đề quy hoạch, quản lý nguồn nước và ứng dụng công nghệ trong tài nguyên nước. **Tên chương:** Chương 1: Những khái niệm cơ bản; Chương 2: Quá trình hình thành và những tính chất cơ bản của đất; Chương 3: Tài nguyên đất Việt Nam; Chương 4: Thoái hoá đất và các giải pháp bảo vệ, phục hồi đất; Chương 5: Quản lý tài nguyên đất; Chương 6: Tổng quan về tài nguyên nước; Chương 7: Đặc tính nước trong lưu vực; Chương 8. Quản trị và kinh tế nước; Chương 9. Phát triển nguồn nước và sử dụng nước bền vững; Chương 10. Quy hoạch và quản lý nguồn nước. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Hướng dẫn thực tập; Dạy qua E-learning. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thực hành: 10%; Thi giữa kỳ: 20% và Thi cuối kỳ: 60%

TM94109. Đăng ký thống kê đất đai (Land registration and statistic).(4TC:2-2-12; 180). **Nội dung:** Đăng ký đất đai; Cấp giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai; Lập và quản lý hồ sơ địa chính; Thống kê đất đai. **Tên chương:** Chương 1: Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất; Chương 2: Cấp giấy chứng nhận; Chương 3: Đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất; Chương 4: Lập và quản lý hồ sơ địa chính; Chương 5: Thống kê đất đai; **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm; Giảng dạy thông qua thực hành. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thảo luận nhóm: 10%; Bài tập thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94111. Định giá đất (Land valuation).(3TC:2-1-9; 135). **Nội dung:** Đất đai và thị trường đất đai; Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất; Định giá đất của một số nước trên thế giới; Nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất; Định giá đất ở Việt Nam. **Tên chương:** Chương 1: Đất đai và thị trường đất đai; Chương 2: Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất; Chương 3: Nguyên tắc và phương pháp định giá đất; Chương 4: Định giá đất ở một số nước trên thế giới; Chương 5: Định giá đất ở Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm; Giảng dạy thông qua thực hành; Giảng dạy trực tuyến: sử dụng phần mềm Microsoft Teams,.... **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thảo luận nhóm: 15%; Bài tập thực hành: 15%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94112. Giao đất thu hồi đất (Land allocation and reclaim).(3TC:2-1-9; 135). Nội dung: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.; Giao đất, cho thuê đất; Chuyển mục đích sử dụng đất; Thu hồi đất; Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, thuê mặt nước. **Tên chương:** cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất; chương 2. giao đất, cho thuê đất; chương 3. chuyển mục đích sử dụng đất; chương 4. thu hồi đất; chương 5. tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, thuê mặt nước. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm. Giảng dạy trực tuyến. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10%; Tiểu luận: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94115. Thanh tra đất (Land inspection). (3TC:2-1-9; 135). Nội dung: Những quy định chung về thanh tra; Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; Thanh tra đất đai; Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết tranh chấp đất đai. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Tổ chức thảo luận nhóm/ thảo luận trực tuyến; Thực hành trong phòng và ngoài trời. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thuyết trình/ thảo luận: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94116. Thị trường Bất động sản (Real estate market). (3TC:2-1-9; 135). Nội dung: Tổng quan về thị trường bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Thị trường bất động sản một số nước trên thế giới; Thị trường bất động sản Việt Nam. **Tên chương:** Chương 1. Tổng quan thị trường bất động sản; Chương 2. Kinh doanh bất động sản; Chương 3. Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Chương 4. Thị trường bất động sản một số nước trên thế giới; Chương 5. Thị trường bất động sản Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm. Giảng dạy trực tuyến. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10%; Tiểu luận: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94129. Quy hoạch sử dụng đất (Land Use Planning). (3TC:3-0-9; 135). Nội dung: Vai trò của đất trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Bản chất của quy hoạch sử dụng đất; Đặc điểm quy hoạch sử dụng đất trên thế giới và Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu trong quy hoạch sử dụng đất. Nội dung đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; Đánh giá tiềm năng và định hướng sử dụng đất đai; Nội dung lập phương án quy hoạch sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm và 5 năm. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. **Tên chương:** Chương 1. Cơ sở lý luận quy hoạch sử dụng đất; Chương 2. Phương pháp nghiên cứu trong quy hoạch sử dụng đất; Chương 3. Nội dung quy hoạch sử dụng đất; Chương 4. Nội dung kế hoạch sử dụng đất; Chương 5. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Giảng dạy trực tuyến; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Bài tập tiểu luận. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thi giữa kỳ: 10%; Thực hành: 30%; Thi cuối kỳ: 50%

TM94130. Đồ án quy hoạch (Planning Project).(3TC:0-3-9; 135). Nội dung: Học phần này gồm: Điều tra, thu thập số liệu, tài liệu; Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Xây dựng phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu sử dụng đất; Xây dựng phương án quy hoạch; Đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch; Xây dựng kế hoạch sử dụng đất; Xây dựng hệ thống biểu quy hoạch, kế hoạch; Thiết kế các bản vẽ quy hoạch chi tiết; Xây dựng các bản đồ chuyên đề và bản đồ quy hoạch sử dụng đất. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Tổ chức học theo nhóm; Dạy học thông qua làm đồ án; Thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Bài tập thực hành: 30%; Bảo vệ đồ án: 60%

TM94131. Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường (Urban, rural and landscape environmental planning).(4TC:3-1-12; 180). **Nội dung:** Những vấn đề chung về cơ cấu dân cư đô thị/nông thôn; Đô thị và quy hoạch đô thị (khái niệm, phân loại, lịch sử phát triển, đô thị hóa, quy hoạch cải tạo và phát triển không gian đô thị); Quy hoạch nông thôn (khái niệm, nguyên tắc, nội dung phương pháp quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới); quy hoạch cảnh quan môi trường (khái niệm, các loại hình cảnh quan, quy hoạch cảnh quan các khu chức năng; Khái niệm, phương pháp và nội dung của quy hoạch môi trường, quy hoạch môi trường trong phát triển kinh tế xã hội.); thực hành thiết kế quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm (phường/xã) theo trình tự (vị trí và đánh giá hiện trạng; lập sơ đồ cơ cấu quy hoạch; quy hoạch chi tiết kiến trúc cảnh quan). **Tên chương:** Chương 1: Cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ; Chương 2: Đô thị và quy hoạch đô thị; Chương 3: Nông thôn và quy hoạch nông thôn; Chương 4: Quy hoạch cảnh quan; Chương 5: Quy hoạch môi trường. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10%; Tiểu luận: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94132. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội (Master Planning). (3TC:2-1-9; 135). **Nội dung:** Đại cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội đã áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam; Bài tập xây dựng các nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. **Tên chương:** Chương 1. Nhập môn quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Chương 2: Cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Chương 3: Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Chương 4: Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội đã áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy trực tuyến. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thi giữa kỳ: 10%; Thực hành: 30%; Thi cuối kỳ: 50%

TM94133. Quy hoạch vùng (Regional Planning). (3TC:2-1-9; 135). **Nội dung:** Quy hoạch vùng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam; Thực hành xây dựng chuyên đề. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Giảng dạy trực tuyến; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn thực hành. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thuyết trình: 10%; Thực hành: 30%; Thi cuối kỳ: 50%

TM94134. Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai (Community consultation on land management).(3TC:2-1-9; 135). **Nội dung:** (i) Cơ sở lý luận về tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai; (ii) phương pháp tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai; (iii) nội dung tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai (Lựa chọn đối tượng, nội dung, hình thức và quy trình tham vấn); (iv) thực hành lập (hoặc đánh giá) kế hoạch tham vấn cộng đồng trong các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai (Nguyên tắc, các nội dung quản lý nhà nước về đất đai cần tham vấn cộng đồng; Lập kế hoạch tham vấn). **Tên chương:** Chương 1. Khái quát về tham vấn cộng đồng; Chương 2: Phương pháp tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai; Chương 3. Nội dung tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai; Chương 4. Lập kế hoạch tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; hoặc giảng dạy trực tuyến; Nêu vấn đề, câu hỏi; nghiên cứu trường hợp; Hướng dẫn thuyết trình; Hướng dẫn thực hành. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp: 10%; Thuyết

trình: 10%; Thực hành: 30%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94151. Cấp thoát nước (Water supply and sanitation). (4TC:4-0-12; 180). *Nội dung:* Những khái niệm cơ bản về hệ thống cấp nước; Mạng lưới cấp nước; Cấp nước bên ngoài công trình; Hệ thống cấp nước bên trong nhà; Khái niệm chung về thoát nước; Hệ thống thoát nước bên ngoài công trình; Hệ thống thoát nước trong nhà. *Tên chương:* Chương 1: Những khái niệm cơ bản về hệ thống cấp nước; Chương 2: Mạng lưới Cấp nước; Chương 3: Cấp nước bên ngoài công trình; Chương 4: Hệ thống cấp nước trong nhà; Chương 5. Khái niệm chung về hệ thống thoát nước; Chương 6 : Thoát nước bên ngoài công trình; Chương 7: Hệ thống thoát nước trong nhà. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy thông qua làm bài tập. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Bài tập: 15%; Kiểm tra giữa kỳ: 15%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94161. Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường (Environmental Resource Database). (3TC:2-1-9; 135). *Nội dung:* Các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; Ngôn ngữ SQL trong cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; Xây dựng cơ sở dữ liệu Tài nguyên môi trường. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần: 10%; Thực hành: 30%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94162. Hệ thống thông tin đất đai và BĐS (Land and real estate information system). (5TC:3-2-15; 225). *Nội dung:* Tổng quan về hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản; quản lý thông tin đất đai và bất động sản; xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản và tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai và bất động sản. Phần thực hành bao gồm các nội dung: hướng dẫn sử dụng các phần mềm; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và bất động sản; khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai và bất động sản. *Tên chương:* Chương 1: Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin; Chương 2: Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản; Chương 3: Quản lý thông tin đất đai và bất động sản; Chương 4: Xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản; Chương 5: Tính kinh tế của hệ thống thông tin đất đai và bất động sản. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp. Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy. Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, hướng dẫn bài tập. Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning. Giảng dạy trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần: 10%; Tiểu luận: 10%; Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94164. Viễn thám (Remote sensing). (3TC:2-1-9; 135). *Nội dung:* Khái niệm cơ bản về viễn thám; Lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; Giải đoán ảnh viễn thám; Giải đoán ảnh viễn thám trên nền tảng Google Earth Engine (GEE); Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. Học phần gồm các bài thực hành với nội dung về: Làm quen với phần mềm, cắt ảnh; Hiệu chỉnh ảnh; Phân loại ảnh/giải đoán ảnh lập bản đồ; Bắt đầu với nền tảng GEE, tạo và chạy tập lệnh đầu tiên; Phân loại ảnh/giải đoán ảnh và đánh giá độ chính xác ảnh phân loại/ảnh giải đoán trên nền tảng GEE; Phát hiện biến động trên nền tảng GEE. *Tên chương:* Chương 1: Khái niệm cơ bản về viễn thám; Chương 2: Lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; Chương 3: Giải đoán ảnh viễn thám; Chương 4: Giải đoán ảnh viễn thám trên nền tảng Google Earth Engine (GEE)' Chương 5: Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng các clip, hình ảnh minh họa trong giảng dạy; Hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm' Giảng dạy trực tuyến và Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp: 10%; Tiểu luận: 10% Thực hành: 20%; Thi cuối kỳ: 60%

TM94383. Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản (Professional internship in real estate management). (10TC:0-10-30; 450). *Nội dung:* Thực hiện một số nghiệp vụ tại địa phương, doanh nghiệp như: Chinh lý, cập nhập biến động hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai; Xác định loại đô thị, loại đường phố, loại vị trí để điều tra giá đất; xác định giá các thửa đất cụ thể, xây dựng bảng giá đất tại địa phương, xây dựng bản đồ giá đất của địa phương; Tìm hiểu về quy trình môi giới bất động sản tại địa phương, tìm hiểu hoạt động của sàn giao dịch bất động sản. *Tên chương:* Nội dung 1: Chuẩn bị nội dung thực tập; Nội dung 2: Thực hiện các nội dung thực tập nghề nghiệp. *Phương pháp giảng dạy:* Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành phần mềm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông, trực tuyến; Hướng dẫn thực tập tại cơ sở. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự TT tại CS: 10%; Đánh giá của CSTT: 20%; Thuyết trình: 20% và Đánh giá báo cáo: 50%

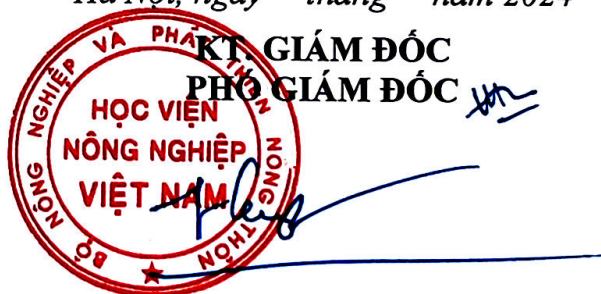
TM94493. Khóa luận tốt nghiệp ngành QL BĐS (Thesis of Real Estate Management). (10TC:0-10-30; 450). *Nội dung:* Sinh viên thực hiện một trong các hướng đề tài sau: Công tác tài chính đất đai và quản lý thị trường BĐS; Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; tình hình thực hiện các quyền sử dụng đất; Đánh giá các nội dung quản lý nhà nước về bất động sản; Đánh giá hoạt động quản lý, kinh doanh bất động sản; Tìm hiểu giá bất động sản, các yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản; Tìm hiểu, đánh giá hoạt động của sàn giao dịch bất động sản, đấu giá đất, bất động sản; đo đạc thành lập, chinh lý bản đồ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất; xây dựng Hệ thống thông tin bất động sản. *Phương pháp giảng dạy:* Giảng dạy thông qua hướng dẫn; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. *Phương pháp đánh giá:* Thuyết trình: 30%; báo cáo KLTN: 70%

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH



GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT
Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng
Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (<i>Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...</i>)	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ			Các học phần về Khoa học chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ và các HP chung của HV		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	58	8.273			Toàn học viện
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	101	9.298			Toàn học viện
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	278			Toàn học viện
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu			Tất cả các học phần		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	219	12.745	Các học phần cơ sở và cốt lõi của ngành		Toàn học viện

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	2021	1	KHD và DDCT				
2	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	2021	1	KHD và DDCT				
3	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử	2021	1	KHD và DDCT				
4	Tủ lạnh	2021	2	KHD và DDCT				
5	Tủ sấy	2021	1	KHD và DDCT				
6	Tủ sấy	2021	1	KHD và DDCT				
7	Máy hút ẩm	2021	1	KHD và DDCT				
8	Máy cất nước 1 lần	2021	2	KHD và DDCT				
9	Quang kế ngọn lửa	2021	1	KHD và DDCT				
10	Bộ chung cất đạm bán tự động	2021	1	KHD và DDCT				
11	Máy lắc tròn	2021	2	KHD và DDCT				
12	Máy đo pH, độ dẫn điện cầm tay	2021	2	KHD và DDCT				
13	Máy ly tâm	2021	1	KHD và DDCT				
14	Cân kỹ thuật	2021	4	KHD và DDCT				
15	Máy khuấy từ gia nhiệt	2021	2	KHD và DDCT				
16	Cân phân tích (Analytical Balance)	2021	3	KHD và DDCT				
17	Máy đo hàm lượng diệp lục	2021	1	QLTN				
18	Máy đo pH, độ dẫn điện cầm tay	2021	2	QLTN				
19	Cân kỹ thuật	2021	2	QLTN				
20	Máy hút ẩm	2021	1	QLTN				
21	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy	2021	1	QLTN				
22	Tủ sấy	2021	1	QLTN				
23	Bộ đo bốc hơi	2021	1	QLTN				

24	Bộ dụng cụ lấy mẫu nước nằm ngang	2021	1	QLTN				
25	Trạm quan trắc thời tiết	2021	1	QLTN				
26	Máy tính OptiPlex 3080	2021	60	HTTTTNMT				
27	Máy chiếu Panasonic PT-VW360	2021	1	HTTTTNMT				
28	Máy chiếu	2024	1	HTTTTNMT				
29	Phần mềm G-Cadas	2021	25	HTTTTNMT				
30	Máy toàn đạc điện tử TOPCON, GM-52	2021	11	TĐ - BĐ				
31	Máy kinh vĩ điện tử TOPCON, DT-309GL	2021	14	TĐ - BĐ				
32	Máy GPS 2 tần ComNav, T300 Plus GNSS Receiver	2021	1	TĐ - BĐ				
33	Máy thủy chuẩn điện tử Geomax, ZDL700	2021	2	TĐ - BĐ				
34	Máy GPS cầm tay (Garmin, GPSMAP 64s)	2021	24	TĐ - BĐ				
35	Máy tính bàn	2022	3	VPK				
36	Máy tính xách tay	2022	1	VPK				
37	Máy tính để bàn	2024	1	VPK				
38	Máy chiếu	2024	1	VPK				
39	Thiết bị chuyển mạch L3 S3230-54TXF-AC	2024	3	VPK				
40	Máy ảnh	2021	1	VPK				

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	XH91001	Pháp luật đại cương	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật HNà Nội	Nhà xuất bản Tư pháp, 2021, Việt Nam
2	XH91047	Triết học Mac - Lenin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
3	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	T for Cambridge Intenational AS & A Level: Coursebook.	Ceredig Cattanach-Chell và cộng sự	Cambridge, 2024, Anh quốc
			Chuyển đổi số - 5 giai đoạn triển khai công nghệ số cho doanh nghiệp	Lindsay Herbert	NXB Thông tin và Truyền thông, 2020, Việt Nam
4	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
5	DN91034	Tiếng Anh 1	Speakout 3rd Edition A2 Student's book	Eales, F., & Oakes, S.	Pearson Education, 2022
6	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
7	DN91035	Tiếng anh 2	Speakout (3rd Edition) B1 Student's Book	Antonia C. & JJ W.	Pearson Education Limited, 2022
8	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
9	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam
10	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Lê Thị Kim Oanh và Đào Hồng Vân	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2024
11	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng		Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2024
12	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Nguyễn Đức Hải	VNU Journal of Economics and Business, 2023
			Thanh toán thương mại quốc tế: Bài học từ những rủi ro	Phạm Thị Thanh Lê	2022, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Lợi thế so sánh và cấu trúc xuất khẩu nông sản của Việt Nam dưới bối cảnh hội nhập thương mại quốc tế	Huỳnh Ngọc Chương, Đinh Thị Nguyệt Ánh, Nguyễn Thị Phương, Trần Cao Quý, Nguyễn Quang Vinh, Bùi Minh Hằng	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kinh tế-Luật và Quản lý, 2021, Việt Nam
			ác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam	Hà Thành Công	2019, Việt Nam
13	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern Concept in Agriculture	Satvaan Singh, Kushal Sachan, Khursheed Alam and Amit Kumar	AkiNik Publications, 2022, India
			Bài giảng Nông nghiệp hiện đại	Chu Anh Tiệp, Vũ Ngọc Thắng, Đinh Thái Hoàng, Bùi Thế Khuynh, Nguyễn Văn Lộc, Lê Thị Tuyết Châm, Nguyễn Thanh Tuấn, Hoàng Xuân Anh, Trần Thị Thiêm, Thiều Thị Phong Thu, Nguyễn Mai Thơm, Nguyễn Thị Loan, Vũ Duy Hoàng, Nguyễn Thị Vinh, Hà Xuân Bộ, Dương Thu Hương, Đinh Trường Sơn, Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Bình Nguyên, Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thị Thuý Hạnh	2024, Việt Nam
			"Precision Farming in Modern Agriculture". In book: "Smart Agriculture Automation Using Advanced Technologies".	E. Fantin Irudaya Raj, M. Appadurai & K. Athiappan	Springer, 2021
			Giáo trình Canh tác học	Trần Thị Thiêm, Chu Anh Tiệp, Nguyễn Thị Loan, Vũ Duy Hoàng, Thiều Thị Phong Thu, Nguyễn Mai Thơm	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023
14	TM91012	Sinh thái và môi trường	Giáo trình Sinh thái môi trường	Trần Đức Viên, Ngô Thế Ân, Nguyễn Đình Thi, Dương Thị Huyền, Nguyễn Tuyết Lan	NXB Học viện NNVN, 2024, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Giáo trình Môi trường và con người	Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Thị Bích Hà	NXB Học viện NNVN, 2024, Việt Nam
15	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Giáo trình Kinh tế hộ nông dân	Đỗ Kim Chung, Lưu Văn Duy	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2023, Việt Nam
			Giáo trình Kinh tế nông nghiệp	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2021, Việt Nam
			Tổ chức công tác khuyến nông	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2021, Việt Nam
			Giáo trình kinh tế nông thôn	Lưu Văn Duy, Nguyễn Việt Đăng, Nguyễn Phương Lê, Lê Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thiêm, Nguyễn Thanh Phong, Phạm Thị Thanh Thúy	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, 2022, Việt Nam
16	TM92069	Bản đồ học	Giáo trình Bản đồ học	Trần Trọng Phương	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2013, Việt Nam
17	TM92068	Trắc địa	Bài giảng Trắc địa	Phan Văn Khuê	2024
18	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	Phương pháp nghiên cứu khoa học (tái bản)	Nguyễn Tuấn Anh, Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương	NXB Xây dựng, 2024, Việt Nam
19	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý	Lê Thị Giang	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021, Việt Nam
			Giáo trình thực hành Hệ thống thông tin địa lý	Lê Thị Giang	NXB Nông nghiệp, 2016, Việt Nam
20	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Đoàn Công Quỳ và cs.	NXB Nông nghiệp, 2006, Việt Nam
21	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	Bài giảng Quản lý Nhà nước về đất đai		2024
22	TM94130	Đồ án quy hoạch	Giáo trình Quy hoạch môi trường	Nguyễn Thị Vòng, Nguyễn Quang Học, Đỗ Thị Tâm và Đỗ Văn Nhạ	Nhà xuất bản đại học Nông nghiệp, 2016, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Giáo trình Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nha, Nguyễn Quang Học và Quyền Thị Lan Phương	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2021, Việt Nam
23	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	Bài giảng Chính sách quản lý bất động sản	Phạm Phương Nam	2024
24	TM94110	Định giá bất động sản	Bài giảng Định giá bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	2024
25	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Bài giảng Đàm phán trong kinh doanh bất động sản.	Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam	2024
26	TM94135	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Bài giảng Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Đỗ Thị Tám	2024
27	TM94117	Thuế bất động sản	Giáo trình Thuế bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2024, Việt Nam
28	TM94070	Bản đồ địa chính	Giáo trình Bản đồ địa chính	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Nông nghiệp, 2020, Việt Nam
29	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai	Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Thanh Biền	2024
30	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BĐS	Bài giảng Hệ thống thông tin đất và bất động sản	Phạm Văn Vân	2024
31	TM94114	Quản trị Bất động sản	Bài giảng Quản trị bất động sản	Phạm Phương Nam	2024
32	TM94116	Thị trường Bất động sản	Giáo trình Thị trường bất động sản	Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam, Bùi Lê Vinh, Vũ Thanh Biền	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022
33	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Giáo trình Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Trần Quốc Vinh	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2016, Việt Nam
34	TM94055	Quản lý môi trường	Giáo trình Quản lý tài nguyên và môi trường	Đinh Đức Trường, Nguyễn Công Thành, Ngô Thanh Mai	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, 2023, Việt Nam
			Giáo trình Luật hành chính Việt Nam	Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2023, Việt Nam

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
35	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	Vũ Thị Bình, Nguyễn Quang Học, Quyền Thị Lan Phương	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2008, Việt Nam
			Quy hoạch phát triển nông thôn	Vũ Thị Bình và cộng sự	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2006, Việt Nam
			Quy hoạch môi trường	Nguyễn Thị Vòng và cộng sự	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2015, Việt Nam
			Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nha, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Quang Học	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021
36	TM94071	Bản đồ địa hình	Bài giảng bản đồ địa hình	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Học viện Nông nghiệp Hà Nội, 2023, Việt Nam
			Giáo trình Bản đồ địa hình	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2016, Việt Nam
37	TM94164	Viễn thám	Bài giảng viễn thám	Trần Quốc Vinh, Nguyễn Đức Thuận	2024, Việt Nam
			Giáo trình Viễn thám	Nguyễn Khắc Thời và nnk	NXB Nông nghiệp, 2012, Việt Nam
38	TM94132	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Nguyễn Thị Vòng và nnk	NXB Nông nghiệp, 2008, Việt Nam
39	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	Bài giảng Tư vấn đầu tư bất động sản	Bùi Nguyên Hạnh, Nguyễn Văn Quân, Phan Thị Thanh Huyền	2022
40	TM94112	Giao đất thu hồi đất	Giáo trình Giao đất, thu hồi đất	Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam, Ngô Thị Hà	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020
41	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Giáo trình Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Phạm Phương Nam, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Lê Vinh, Ngô Thị Hà	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021
42	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Ứng dụng tư liệu máy bay không người lái UAV trong trắc địa bản đồ	Trần Trung Anh	Đại học Mỏ địa chất, 2023, Việt Nam
43	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Giáo trình Thuế bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2024, Việt Nam
			Giáo trình Thị trường bất động sản	Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam, Bùi Lê	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
				Vinh, Vũ Thanh Biên	
			Giáo trình Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Phạm Phương Nam, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Lê Vinh, Ngô Thị Hà	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021
			Giáo trình Bản đồ địa chính	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Nông nghiệp, 2020, Việt Nam

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	XH91001	Pháp luật đại cương	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Minh Hạnh	01/10/1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
2	XH91047	Triết học Mac - Lenin	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng	08/05/1976	Tiến sĩ	Việt Nam
3	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyên đổi số	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Quang Dũng	08/04/1980	Tiến sĩ	Rumani
4	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	10/03/1974	Thạc sĩ	Việt Nam
5	DN91034	Tiếng Anh 1	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Hương	06/10/1990	Thạc sĩ	Việt Nam
6	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn	09/09/1983	Thạc sĩ	Việt Nam
7	DN91035	Tiếng anh 2	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu	12/10/1986	Thạc sĩ	Việt Nam
8	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Dung	01/09/1990	Thạc sĩ	Việt Nam
9	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Khoa học xã hội	Trần Thị Mai	24/04/1976	Thạc sĩ	Việt Nam
10	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Khoa Kế toán & QTKD	Phạm Thị Hương Dịu	03/11/1978	Tiến sĩ	Đức
11	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghia	27/10/1975	Thạc sĩ	Việt Nam
12	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán & QTKD	Trần Hữu Cường	05/01/1962	Tiến sĩ	Đức
13	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Khoa Nông học	Thiều Thị Phong Thu	21/05/1984	Tiến sĩ	Nhật Bản
14	TM91012	Sinh thái và môi trường	BM Sinh thái nông nghiệp, khoa TN&MT	Ngô Thế Ân	28/01/1972	Tiến sĩ	Vương quốc Anh
15	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế & PTNT	Lưu Văn Duy	04/01/1986	Tiến sĩ	Nhật Bản

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
16	TM92069	Bản đồ học	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
17	TM92068	Trắc địa	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Phan Văn Khuê	1977	Tiến sĩ	Việt Nam
18	TM92145	Xây dựng dự án nghiên cứu TNMT	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
19	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Lê Thị Giang	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
20	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Quang Học	03/12/1961	Tiến sĩ	Việt Nam
21	TM93107	Quản lý nhà nước về đất đai	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Đức Hạnh	20/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
22	TM94130	Đồ án quy hoạch	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Tuấn Anh	1978	Thạc sĩ	Việt Nam
23	TM94119	Chính sách quản lý bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
24	TM94110	Định giá bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	1972	Tiến sĩ	Việt Nam
25	TM94108	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
26	TM94135	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Tám	1974	Tiến sĩ	Philippin

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
27	TM94117	Thuế bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	1972	Tiến sĩ	Việt Nam
28	TM94070	Bản đồ địa chính	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
29	TM94109	Đăng ký thống kê đất đai	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Đức Hạnh	20/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
30	TM94162	Hệ thống thông tin đất đai và BDS	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Phạm Văn Vân	20/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
31	TM94114	Quản trị Bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
32	TM94116	Thị trường Bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	1966	Tiến sĩ	Bungari
33	TM94163	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
34	TM94055	Quản lý môi trường	Bộ môn Quản lý môi trường, khoa TN&MT	Đinh Thị Hải Vân	1975	Tiến sĩ	Nhật Bản
35	TM94131	Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Văn Nhạ	1973	Tiến sĩ	Đức
36	TM94071	Bản đồ địa hình	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Trần Trọng Phương	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
37	TM94164	Viễn thám	Bộ môn Hệ thống thông tin TNMT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam

TT	Mã HP	Tên học phần	Đơn vị phụ trách	Giảng viên phụ trách			
				Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
38	TM94132	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Bộ môn Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Văn Nhạ	1973	Tiến sĩ	Đức
39	TM94118	Tư vấn đầu tư bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	1972	Tiến sĩ	Việt Nam
40	TM94112	Giao đất thu hồi đất	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phan Thị Thanh Huyền	1977	Tiến sĩ	Việt Nam
41	TM94113	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Bộ môn Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Bùi Lê Vinh	1980	Tiến sĩ	Đức
42	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Bộ môn Trắc địa Bản đồ, Khoa Tài nguyên và Môi trường	Nguyễn Thị Thu Hiền	1980	Tiến sĩ	Việt Nam
43	TM94383	Thực tập Nghề nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Văn phòng khoa TN&MT	Giảng viên các bộ môn			
44	TM94493	Khóa luận tốt nghiệp ngành QL BĐS	Văn phòng khoa TN&MT	Giảng viên các bộ môn			

PHỤ LỤC 4
MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

Ký hiệu	Mục tiêu của CTĐT	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm			
		CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.			CĐR2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý bất động sản		CĐR3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.		CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.		CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.			CĐR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.		CĐR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.		CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	
		CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB8.1	CB8.2
MT1	Có kiến thức chuyên môn sâu, rộng và tiếp cận được những vấn đề về lý thuyết, phương pháp luận trong lĩnh vực bất động sản;	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
MT2	Có kỹ năng nghề nghiệp tốt, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại, các nghiệp vụ hành chính liên quan đến lĩnh vực bất động sản.											X	X	X	X	X			
MT3	Có phẩm chất chính trị vững vàng; có lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo; có tinh thần khởi nghiệp nhằm đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.															X	X	X	X

PHỤ LỤC 5

ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
I	KIẾN THỨC	Nước: Vương quốc Anh	Nước: Hi Lạp	Nước:
1.1	Kiến thức chung	Website: https://www.ucem.ac.uk/bsc-real-estate-management/	Website: https://www.nup.ac.cy/bsc-in-real-estate-valuation-and-development/	Website: https://sta.uwi.edu/eng/geomatics/land-management
	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.			
	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực bất động sản.			
	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.			Mô tả cách nền kinh tế nói chung và thị trường đất đai nói riêng, tác động đến giá trị đất đai và bất động sản và các phương pháp định giá khác nhau được áp dụng như thế nào trong các trường hợp khác nhau.
	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.	Nhận ra các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho lý thuyết và thực tiễn của các ngành công nghiệp bất động sản và xây dựng.		
1.2	Kiến thức chung cho nhóm ngành			

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
	CDR2: Áp dụng kiến thức để xây dựng dự án nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý bất động sản	Kiểm tra các phương pháp và kỹ thuật được sử dụng trong định giá tài sản cho các mục đích khác nhau.		
	2.1. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản			Áp dụng các nguyên tắc đo đạc không gian và các công nghệ, phương pháp luận hiện đại để xác định đầu vào cho công tác khảo sát định giá
	2.2. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác đăng ký thống kê đất đai, quy hoạch, tài chính đất đai và bất động sản			
	2.3. Áp dụng kiến thức xây dựng dự án nghiên cứu trong công tác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước.	Giải thích các nguyên tắc cơ bản của xây dựng tài sản và các công nghệ liên quan.		
1.3	Kiến thức chuyên môn			
	CDR3: Phân tích các hoạt động quản lý và kinh doanh bất động sản để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	- Liên quan đến các vấn đề môi trường và bền vững với các ngành công nghiệp bất động sản và xây dựng.		Áp dụng các thủ tục định giá và lợi ích chi phí, tính toán và phân tích để hỗ trợ việc ra quyết định kinh tế liên quan đến đất đai và tài sản.
	3.1. Phân tích các hoạt động quản lý bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	- Đánh giá nghiêm túc các lý thuyết và kỹ thuật được sử dụng trong việc định giá, phát triển và quản lý bất động sản. - Đánh giá nghiêm túc các phương pháp nghiên cứu và chứng minh sự tổng hợp của một loạt dữ liệu trong một cuộc điều tra nghiên cứu.		
	3.2. Phân tích các hoạt động	Thu thập, phân tích và đánh giá phê bình		

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
	kinh doanh bất động sản phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	dữ liệu và đánh giá mức độ liên quan và hợp lệ của nó đối với một loạt các tình huống bất động sản.		
	CDR4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nhận thức và hiểu biết có hệ thống về các vấn đề trong môi trường kinh doanh rộng lớn hơn bao gồm các ảnh hưởng chính trị, kinh tế, pháp lý, xã hội, công nghệ, văn hóa, đạo đức, sức khỏe và an toàn, tính bền vững và toàn cầu mà các công ty tư vấn bất động sản và khách hàng của họ hoạt động. - Đánh giá quan trọng các kỹ thuật và phương pháp hiện có được sử dụng trong bối cảnh chuyên nghiệp. - Nghiên cứu, đánh giá phản biện các chiến lược trong lĩnh vực Bất động sản và đề xuất các giải pháp phù hợp. - Lựa chọn và áp dụng công nghệ và các công cụ phân tích quyết định để giải quyết các vấn đề phức tạp và cung cấp lời khuyên chuyên nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kiến thức về phương pháp định giá truyền thống và hiện đại. Mỗi phương pháp được kiểm tra từ cả góc độ lý thuyết và thực tiễn vì nó liên quan đến thị trường bất động sản Síp. Sinh viên cũng trở nên rất quen thuộc với các Tiêu chuẩn Định giá Quốc tế (nhấn mạnh vào các Tiêu chuẩn được phát triển bởi Viện Khảo sát Hoàng gia Chartered và cách chúng áp dụng cho thị trường địa phương) - Kiến thức chuyên sâu về khung lý thuyết và phương pháp được sử dụng quốc tế để phân tích khoa học về thị trường bất động sản địa phương và quốc gia, danh mục đầu tư bất động sản và đầu tư bất động sản cá nhân - Hiểu biết đầy đủ về khung pháp lý và luật cụ thể áp dụng cho quyền sở hữu và giao dịch bất động sản ở Síp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, tổng hợp chính sách quản lý bất động sản và phát triển kinh tế phục vụ phát triển công và tư. - Đánh giá và tổng hợp vai trò của các hệ thống thông tin định giá đất đai, chẳng hạn như địa chính tài chính, trong việc tối ưu hóa hiệu quả kinh tế, đồng thời duy trì phân bổ và phân phối đất đai công bằng xã hội.
	4.1. Đề xuất giải pháp quản lý bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	Phác thảo các khung và hệ thống đạo đức, quản lý, pháp lý và quy định tác động đến ngành bất động sản và xây dựng.		
	4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định định giá và nói rõ mục đích của nó. - Xử lý và giải thích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. 		
II	KỸ NĂNG			

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
2.1	Kỹ năng chung			
	CDR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quản lý bất động sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nhận thức và khả năng đánh giá và thẩm định thông tin. - Chứng minh các phương pháp truyền đạt thông tin khác nhau. - Giao tiếp và cộng tác hiệu quả bằng cách sử dụng một loạt các phương tiện truyền thông. 	Sử dụng những kỹ năng phân tích và tư duy phê phán vào phát triển nghề nghiệp	
	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện khả năng viết trong một loạt các định dạng. - Thể hiện sự phát triển của các kỹ năng viết, số và giao tiếp. - Sản xuất báo cáo và tài liệu tiếp thị cho các mục đích khác nhau với chất lượng mong đợi cho các mục đích chuyên nghiệp. - Tương tác hiệu quả với những người khác. 		Thể hiện năng lực về kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và bằng miệng.
	5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết việc sử dụng công nghệ trong môi trường xây dựng. - Minh họa sự hiểu biết về sự phát triển và sử dụng các kỹ năng kỹ thuật số. - Truyền đạt hiệu quả và chuyên nghiệp các kết quả nghiên cứu và phân tích và sự liên quan của nó trong một loạt các phương tiện cho cả các bên liên quan trong ngành và học thuật. 		Áp dụng các kỹ năng số và lý luận để xem xét quan trọng các phương pháp tiếp cận khác nhau.
	5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.			

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
2.2	Kỹ năng chuyên môn			
	CDR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.	Áp dụng một loạt các phương pháp để giải quyết vấn đề.	- Sử dụng thành thạo kỹ thuật cơ bản để ước tính chi phí, đánh giá, vận hành và quản lý một dự án phát triển bất động sản. - Sử dụng thành thạo cao các quy tắc ứng xử chuyên nghiệp và nhạy cảm với nhu cầu của xã hội	Giải quyết các vấn đề phức tạp và đưa ra quyết định trong các tình huống mới.
	6.1. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hệ thống thông tin đất đai và bất động sản.	- Mô tả tác động của tính bền vững đối với các tòa nhà hiện có và mới. - Để giải thích quá trình định giá liên quan đến bất động sản bán lẻ. - Lựa chọn và áp dụng các kỹ thuật thẩm định, phân tích và nghiên cứu phù hợp.		
	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.	- Để chứng minh phương pháp định giá có thể so sánh liên quan đến bất động sản nhà ở. - Hiểu các lĩnh vực pháp luật ảnh hưởng đến môi trường xây dựng. - Xác định và áp dụng các kỹ thuật và phương pháp thích hợp cho các tình huống khác nhau. - Thảo luận về tầm quan trọng của các tiêu chí pháp lý về môi trường, xã hội và quản trị đối với thực tiễn nghề nghiệp.		Xây dựng các vấn đề được xác định thành các dự án và báo cáo được xác định rõ.
III	TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
III.1	CDR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người			Thực hiện nghiên cứu độc lập và nhóm, áp dụng các lý thuyết, khái niệm và nguyên tắc đã biết.

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
	khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.			
	7.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và lập kế hoạch học tập cá nhân để đạt được kết quả thành công. - Công nhận và nhận xét về các yêu cầu và tiêu chuẩn đạo đức liên quan đến nội dung mô-đun. - Làm việc độc lập và quản lý thời gian hiệu quả. 		
	7.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn lĩnh vực bất động sản.	Xác định và giải quyết các vấn đề trong các tình huống được hướng dẫn.		
	7.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.	<ul style="list-style-type: none"> - Đề thảo luận về sự cần thiết của quy định định giá. - Xác định và giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định thông qua tư duy phản xạ và phân tích. 		
III.2	CDR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.			
	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các nguyên tắc bền vững có thể được áp dụng ở đâu và như thế nào, từ đó xem xét các cơ hội và hạn chế bền vững rộng lớn hơn. - Thể hiện năng lực trong việc áp dụng kinh nghiệm học tập vào các tình huống 		

STT	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý bất động sản	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CTĐT: Quản lý Bất động sản	CTĐT: Định giá và phát triển Bất động sản	CTĐT: Quản lý đất đai (định giá)
		Trường: UCEM University College of Estate management	Trường: Neapolis University Pafos	Trường: The University of the West Indies – Trinidad and Tobago
		bất động sản thực tế. - Phát triển thái độ và kỹ năng ứng dụng để đưa ra quyết định sáng suốt phản ánh sự quan tâm, quan tâm và trách nhiệm đối với bản thân, đối với người khác và môi trường, hiện tại và trong tương lai.		
	8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.			

